

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG NGUYÊN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 5 - 2021

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Thăng - kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn”.

Theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết Đ hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L T Đ; Sinh năm 1977; ĐKKHKT: Khối 1, TT HN, hUyện H N, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: Khối 3, TT HN, huyện HN, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh D C B; Sinh năm 1973; Nơi ở hiện nay: Khối 1, TT HN, hUyện H N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 02 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn chị L T Đ trình bày:*

Chị L T Đ và anh D C B kết hôn với nhau ngày 04 tháng 01 năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L T Đ có thời gian đi nước ngoài vào năm 2007 đến khoảng năm 2010 thì về nước. Khi về tình cảm đổ vỡ dần, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Đến khoảng tháng 11 năm 2018 vợ chồng sống ly thân, đến nay thời gian sống ly thân đã 04 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị L T Đ viết đơn xin ly hôn với anh D C B để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là D C C; sinh ngày 17 tháng 4 năm 2000 và D C Th; sinh ngày 29 tháng 9 năm 2002, nay các con chung đã trưởng thành nên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Về tài sản và các khoản nợ: Chị L T Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng quy Đ của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không hợp tác, không tham gia các buổi hòa giải được Tòa án triệu tập. Do các bên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy Đ.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị L T Đ được ly hôn anh D C B. Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn anh D C B hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Khối 1, TT HN, hUyện H N, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý,

giải quyết là đúng thẩm quyền quy Đ tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản cho bị đơn là anh D C B nhưng anh B không có yêu cầu phản tố, không hợp tác, không tham gia các buổi hòa giải được Tòa án triệu tập. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy Đ tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L T Đ và anh D C B có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 01 năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc và không vi phạm các quy Đ về điều kiện kết hôn tại Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của chị Đ và qua kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của chị L T Đ và anh D C B đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị được ly hôn anh D C B như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

[3]. *Về con chung*: Chị L T Đ và anh D C B có hai con chung là D C C; sinh ngày 17 tháng 4 năm 2000 và D C Th; sinh ngày 29 tháng 9 năm 2002. Các con chung đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ*: Chị L T Đ và anh D C B không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyên đơn chị L T Đ phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị L T Đ được ly hôn với anh D C B.

Về án phí: Buộc chị L T Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002241 ngày 04 tháng 3 năm 2021 (chị L T Đ đã nộp đủ)

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Dương sự;
- UBND thị trấn Hưng Nguyên;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Quốc Tú

